

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ CÔNG THƯƠNG****BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2016/TT-BCT

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2016

THÔNG TƯ**Thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong
Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa;

Thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN ký ngày 26 tháng 02 năm 2009 tại Hội nghị cấp cao lần thứ 14, tại Cha-am, Thái Lan giữa các nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á;

Thực hiện Nghị định thư về Khung pháp lý thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN được ký tại Hà Nội, Việt Nam ngày 04 tháng 9 năm 2015;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (sau đây gọi tắt là ATIGA).

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia các hoạt động có liên quan đến xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định ATIGA.

Điều 2. Quy tắc xuất xứ

Ban hành kèm theo Thông tư này các Phụ lục sau để hướng dẫn thực hiện Chương 3 Quy tắc xuất xứ và Thủ tục cấp và kiểm tra C/O trong Hiệp định ATIGA:

1. Quy tắc xuất xứ (Phụ lục I).

2. Quy tắc cụ thể mặt hàng (Phụ lục II).

3. Tiêu chí chuyển đổi cơ bản đối với sản phẩm dệt may (Phụ lục III).

4. Danh mục các mặt hàng công nghệ thông tin (ITA) (Phụ lục IV).
5. Các nguyên tắc và hướng dẫn tính hàm lượng giá trị khu vực (Phụ lục V).
6. Hướng dẫn về cộng gộp từng phần (Phụ lục VI).
7. Cấp và kiểm tra C/O (Phụ lục VII).
8. Mẫu C/O mẫu D (Phụ lục VIII).
9. Hướng dẫn kê khai C/O (Phụ lục IX).
10. Danh mục các Tổ chức cấp C/O (Phụ lục X).

Điều 3. Thủ tục cấp, kiểm tra C/O và tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Thủ tục cấp và kiểm tra C/O thực hiện theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này và Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2011/TT-BCT.

2. Cơ chế thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định ATIGA thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Công Thương. Hàng hóa do thương nhân tự khai báo xuất xứ theo cơ chế này phải đáp ứng các Quy tắc xuất xứ hàng hóa quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2016.

2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN và Thông tư số 42/2014/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2010/TT-BCT/.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Phụ lục I **QUY TẮC XUẤT XỨ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong phụ lục này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. “Nuôi trồng thủy hải sản” là việc nuôi trồng các sinh vật sống dưới nước bao gồm cá, động vật thân mềm, loài giáp xác, động vật không xương sống dưới nước khác và thực vật thủy sinh từ các loại con giống như trứng, cá hồi hai năm tuổi, cá hồi nhỏ và ấu trùng bằng cách can thiệp vào các quá trình nuôi trồng hoặc tăng trưởng nhằm thúc đẩy sinh sản như nuôi cấy, cho ăn, hoặc bảo vệ khỏi các động vật ăn thịt.

2. “CIF” là trị giá hàng hóa nhập khẩu đã bao gồm cả cước vận tải và phí bảo hiểm tính đến cảng hoặc cửa khẩu của nước nhập khẩu. Trị giá này sẽ được tính theo Điều VII của GATT 1994 và Hiệp định về việc thực thi Điều VII của GATT 1994 như đã quy định trong Phụ lục 1A của Hiệp định WTO.

3. “FOB” là trị giá hàng hóa đã giao qua mạn tàu, bao gồm phí vận tải đến cảng hoặc địa điểm cuối cùng trước khi tàu chở hàng rời bến. Trị giá này sẽ được tính theo Điều VII của GATT 1994 và Hiệp định về việc thực thi Điều VII của GATT 1994 như đã quy định trong Phụ lục 1A của Hiệp định WTO.

4. “Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi” là những nguyên tắc đã được nhất trí thừa nhận hoặc áp dụng tại một Nước thành viên về việc ghi chép các khoản doanh thu, chi phí, phụ phí, tài sản và các khoản phải trả; truy xuất thông tin; và việc lập các báo cáo tài chính. Những nguyên tắc này có thể bao gồm các hướng dẫn chung cũng như các tiêu chuẩn, thông lệ và thủ tục thực hiện cụ thể.

5. “Hàng hóa” bao gồm nguyên vật liệu và/hoặc sản phẩm, có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại một Nước thành viên, kể cả những sản phẩm có thể sẽ được sử dụng làm nguyên vật liệu cho một quá trình sản xuất khác sau này. Trong phạm vi phụ lục này, thuật ngữ “hàng hóa” và “sản phẩm” có thể sử dụng thay thế cho nhau.

6. “Nguyên vật liệu giống nhau và có thể dùng thay thế lẫn nhau” là những nguyên vật liệu cùng loại có chất lượng như nhau, có cùng đặc tính vật lý và kỹ thuật, và một khi các nguyên vật liệu này được kết hợp lại để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh thì không thể chỉ ra sự khác biệt về xuất xứ vì bất kỳ sự ghi nhãn nào.

7. “Nguyên vật liệu” bao gồm các vật chất được sử dụng hoặc tiêu tốn trong quá trình sản xuất hàng hóa hoặc kết hợp tự nhiên thành một loại hàng hóa khác hoặc tham gia vào một quy trình sản xuất ra hàng hóa khác.

8. “Hàng hóa có xuất xứ hoặc nguyên vật liệu có xuất xứ” là hàng hóa hoặc nguyên vật liệu đáp ứng các tiêu chí xuất xứ quy định tại phụ lục này.

9. “Vật liệu đóng gói và bao gói để vận chuyển” là hàng hóa được sử dụng để bảo vệ hàng hóa trong quá trình vận chuyển hàng hóa đó mà không phải là vật liệu đóng gói và bao gói chứa đựng hàng hóa dùng để bán lẻ.

10. “Sản xuất” là các phương thức để thu được hàng hóa bao gồm trồng trọt, khai thác, thu hoạch, chăn nuôi, gây giống, chiết xuất, thu lượm, thu nhặt, săn bắt, đánh bắt, đánh bẫy, săn bắn, chế tạo, sản xuất, gia công hay lắp ráp.

11. “Quy tắc cụ thể mặt hàng” là quy tắc yêu cầu nguyên vật liệu phải trải qua quá trình thay đổi mã số hàng hóa hoặc trải qua công đoạn gia công, chế biến của hàng hóa, hoặc phải đáp ứng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực (hay còn gọi là tỉ lệ phần trăm của giá trị) hoặc kết hợp giữa các tiêu chí nêu trên.

Điều 2. Tiêu chí xuất xứ

Hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ của một Nước thành viên từ một Nước thành viên khác được coi là có xuất xứ và đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế quan nếu hàng hóa đó đáp ứng một trong các quy định về xuất xứ dưới đây:

1. Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một Nước thành viên xuất khẩu như được quy định tại Điều 3 Phụ lục này.

2. Không có xuất xứ thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một Nước thành viên xuất khẩu, nhưng đáp ứng các quy định tại Điều 4 hoặc Điều 6 Phụ lục này.

Điều 3. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy

Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 2 Phụ lục này được coi là có xuất xứ thuần túy hoặc được coi là sản xuất toàn bộ tại Nước thành viên xuất khẩu trong các trường hợp sau:

1. Cây trồng và các sản phẩm từ cây trồng bao gồm quả, hoa, rau, cây, thảo mộc, nấm và các loại cây trồng khác được trồng và thu hoạch, hái hoặc thu lượm tại đó.

2. Động vật sống bao gồm động vật có vú, chim, cá, loài giáp xác, động vật thân mềm, loài bò sát, vi khuẩn và virus, được sinh ra và nuôi dưỡng tại Nước thành viên xuất khẩu.

3. Các hàng hóa chế biến từ động vật sống tại Nước thành viên xuất khẩu.

4. Hàng hóa thu được từ săn bắn, đánh bẫy, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, thu lượm hoặc săn bắt tại Nước thành viên xuất khẩu.

5. Khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên khác chưa được liệt kê từ khoản 1 đến khoản 4 Điều này, được chiết xuất hoặc lấy ra từ đất, biển, đáy biển hoặc dưới đáy biển của Nước thành viên đó.

6. Sản phẩm đánh bắt bằng tàu được đăng ký tại một Nước thành viên và có treo cờ của Nước thành viên đó, và các sản phẩm khác¹ được khai thác từ vùng biển lãnh hải, đáy biển hoặc dưới đáy biển ngoài vùng lãnh hải² của Nước thành viên đó, với điều kiện là Nước thành viên đó có quyền khai thác biển, đáy biển và dưới đáy biển đó theo luật quốc tế³.

7. Sản phẩm đánh bắt và các sản phẩm từ biển khác đánh bắt từ vùng biển cả bằng tàu được đăng ký tại một Nước thành viên và treo cờ của Nước thành viên đó.

8. Sản phẩm được chế biến và/hoặc được sản xuất ngay trên tàu chế biến được đăng ký tại một Nước thành viên và treo cờ của Nước thành viên đó, trừ các sản phẩm được quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Các vật phẩm thu nhặt tại nước đó nhưng không còn thực hiện được những chức năng ban đầu hoặc cũng không thể sửa chữa hay khôi phục được và chỉ có thể vứt bỏ hoặc dùng làm các nguyên vật liệu, hoặc sử dụng vào mục đích tái chế.

10. Phế thải và phế liệu có nguồn gốc từ:

a) Quá trình sản xuất tại Nước thành viên xuất khẩu; hoặc

b) Hàng hóa đã qua sử dụng được thu nhặt tại Nước thành viên xuất khẩu, với điều kiện hàng hóa đó chỉ phù hợp làm nguyên vật liệu thô.

11. Hàng hóa thu được hoặc được sản xuất tại một Nước thành viên xuất khẩu từ các sản phẩm được quy định từ khoản 1 đến khoản 10 Điều này.

Điều 4. Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy

1. Tiêu chí xuất xứ chung:

a) Hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều 2 Phụ lục này được coi là có xuất xứ tại Nước thành viên nơi diễn ra việc sản xuất hoặc chế biến hàng hóa đó nếu:

- Hàng hóa có hàm lượng giá trị khu vực (dưới đây được gọi là “Hàm lượng giá trị ASEAN” hoặc “Hàm lượng giá trị khu vực (RVC)”) không dưới 40% (bốn mươi phần trăm), tính theo công thức quy định tại Điều 5 Phụ lục này; hoặc

- Tất cả nguyên vật liệu không có xuất xứ sử dụng để sản xuất ra hàng hóa đó trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa (dưới đây được gọi là “CTC”) ở cấp 4 (bốn) số (có nghĩa là chuyển đổi nhóm) của Hệ thống Hải hòa.

¹ Các sản phẩm khác có nghĩa là các khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác được khai thác từ vùng biển lãnh hải, đáy biển hoặc dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải.

² Đối với các sản phẩm đánh bắt ngoài vùng lãnh hải (ví dụ vùng đặc quyền kinh tế), sản phẩm được coi là có xuất xứ của Nước thành viên nếu tàu khai thác sản phẩm đó được đăng ký tại Nước thành viên và treo cờ của Nước thành viên đó, và với điều kiện Nước thành viên đó có quyền khai thác vùng đó theo luật quốc tế.

³ Theo luật quốc tế, việc đăng ký tàu chỉ có thể được tiến hành tại một Nước thành viên.